

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH S LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST  
Ngày 13 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH S LA**

**- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hải.

*Thẩm phán:* Ông Đỗ Tuấn Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Nga;  
Ông Phạm Minh Hiếu;  
Ông Sa Văn Khuyên.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh S La.

**- *Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S La tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lò Văn M**, sinh năm 1986 tại huyện S C, tỉnh S La. Nơi cư trú: Bản Cang, xã D C, huyện S C, tỉnh S La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn Than và bà Lò Thị Chắp; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2019 cho đến nay. Có mặt.

**-*Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Nguyễn Phương Vũ - Luật sư của Văn phòng Luật sư Đình Luân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S La. Có mặt.

**- *Các bị hại:***

1. Ông Vì Văn Ch, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Bản Nà Vạc, xã Mường Lạn, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

Người đại D theo ủy quyền của bị hại: Anh Vì Văn D, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản Nà Vạc, xã Mường Lạn, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

2. Chị H Thương H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản S C, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

3. Ông Lò Văn Th, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Bản Púng Tòng, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

4. Ông Vi Văn P, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Bản Cang, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

5. Anh Tòng Văn T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản H L, xã Chiềng En, huyện S L, tỉnh S La. Có mặt.

6. Anh Lò Văn Thích, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản H L, xã Chiềng En, huyện S L, tỉnh S La. Có mặt.

7. Bà Lương Thị L, sinh năm 1966 và ông Tòng Văn Q, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Bản S C, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Tòng Thị P, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Bản Ban, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

9. Ông Lò Văn Chiềng, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Bản Phiềng Phủ, xã Nậm Ty, huyện S L, tỉnh S La. Có mặt.

10. Ông Lò Văn T, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Bản H C, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

11. Ông Lường Văn Th, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Bản Mường Và, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

12. Bà Lò Thị Ch sinh năm 1959 và ông Lò Văn V, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Bản Bánh, xã Púng Bánh, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

13. Ông Lò Văn Ó, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Bản Pói Lanh, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q đến vụ án:* Anh Lường Văn Th, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản Ban, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Tòng Thị Th, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản Sốp Nặm, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

2. Chị Lềm Thị Vân, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản Cang, xã D C, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

3. Anh Vi Văn T, Nơi cư trú: Bản Cang, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

4. Anh Lò Văn H, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Bản Cang, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

5. Anh Lò Văn C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản Lung, xã Chiềng En, huyện S L, tỉnh S La. Có mặt.

6. Chị Lường Thị K, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản Mường Và, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Chị Lường Thị Ng, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản Pật, xã D C, huyện

S C, tỉnh S La. Có mặt.

8. Chị Lò Thị D, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản Nà Lốc, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

9. Ông Quàng Văn H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Bản Nà Liền, xã Púng Bính, huyện S C, tỉnh S La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Tòng Văn Tr, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Bản Huổi Hin, xã Púng Bính, huyện S C, tỉnh S La. Vắng mặt.

11. Ông Đinh Thế S, sinh năm 1954. Nơi cư trú: T 6, phường Quyết Thắng, Th phố S La, tỉnh S La. Có mặt.

12. Bà Vì Thị L, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Bản Hua Mường, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Có mặt.

13. Anh Vì Văn S, sinh năm 1984; chị Lò Thị H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản Phổng, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La. Anh S có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn M sinh năm 1986, trú tại bản Cang Tợ (*nay sáp nhập Th bản Cang*), xã D C, huyện S C, tỉnh S La, nguyên là giáo viên văn hóa Trường Tiểu học Nậm Ban (*nay là Trường Tiểu học Púng Bính*), huyện S C đã bị kỷ luật buộc thôi việc do sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào đơn vị sự nghiệp công lập từ tháng 01/2015. Sau khi nghỉ việc, M đã đi vay mượn tiền của nhiều người để mua xe ô tô tải kinh doanh; mua máy làm gạch ba vanh; thuê và mở quán phở tại trung tâm huyện S C nhưng do thường xuyên uống rượu say, không làm việc và không quản lý được công việc dẫn đến làm ăn thua lỗ, nợ tiền của nhiều người nên M đã bán xe ô tô để trả một phần số tiền nợ và trả lại quán thuê bán phở.

Do không có tiền trả nợ nên từ tháng 6/2016 đến tháng 5/2018, Lò Văn M đã sử dụng thủ đoạn gian dối như hỏi vay tiền hoặc tự giới Tệu mình có quen biết nhiều người làm ở Sở Nội vụ tỉnh S La có thể xin được việc làm để chiếm đoạt tiền của nhiều cá nhân có nhu cầu xin việc trên địa bàn huyện S L và huyện S C sử dụng chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

*1. Nhận tiền của ông Vì Văn Ch để xin việc cho Vì Văn D (con trai ông Ch), chiếm đoạt số tiền 260.000.000đ.*

Do có mối Q hệ quen biết với ông Vì Văn Ch, sinh năm 1960, trú tại: Bản Nà Vạc, xã Mường Lạn, huyện S C, tỉnh S La và biết được con trai ông Ch là Vì Văn D đã tốt nghiệp Trường Trung cấp y S La chưa có việc làm. Khoảng tháng 10/2016, M gọi điện cho ông Ch và nói dối ông Ch là muốn vay 200.000.000đ để mua xe ô tô và máy làm gạch ba vanh nhưng ông Ch nói không đủ tiền, chỉ

có 60.000.000đ. Đến ngày 10/10/2016, ông Ch mang 60.000.000đ đến nH Lò Thị D, sinh năm 1983 (*là chị gái ruột của M*) ở bản Nà Lốc, xã S C, huyện S C, tỉnh S La để đưa cho M vay.

Ngày 27/10/2016, M gọi điện cho ông Ch hỏi vay tiếp 120.000.000đ, ông Ch đồng ý và cùng Vì Văn D đưa cho M tại nH Lò Thị D. Lúc này M nói với ông Ch *“Con trai chú xin được việc làm chưa, nếu có chỉ tiêu cháu sẽ xin giúp”* và muốn xem bảng điểm của D rồi thống nhất gộp cả hai lần vay tiền, viết giấy chứng nhận vay tiền với nội dung ông Ch cho M vay Tổng số tiền 180.000.000đ.

Khoảng tháng 11/2016, Vì Văn D mang bản phô tô bảng điểm và bản phô tô bằng tốt nghiệp của mình đưa cho M. Sau đó, M gọi điện cho ông Ch và nói *“Điểm của D thấp nên không xin được việc, số tiền ông đưa cho cháu thì cho cháu vay rồi ông cháu mình làm ăn”*.

Đến tháng 7/2017, M tiếp tục gọi điện cho ông Ch nói *“Cháu bị mất xe máy, ông cho cháu mượn ba mươi triệu để mua xe đi lại”*. Ngày 28/7/2017, ông Ch đưa cho M 30.000.000đ.

Tháng 12/2017, M lại gọi điện cho ông Ch nói *“Cháu đang muốn mua xe Taxi nhưng chưa đủ tiền, ông cho cháu mượn thêm năm mươi triệu”*. Ngày 12/12/2017, ông Ch đưa 50.000.000đ cho Vì Văn D để D gửi vào tài khoản số 1391000498001 của M mở tại Ngân Hàng An Bình.

Như vậy, Lò Văn M đã nhận của ông Vì Văn Ch 04 lần với Tng số tiền là 260.000.000đ. Toàn bộ số tiền nêu trên, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân. Ngày 12/5/2019, ông Ch đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M với Cơ Q điều tra.

2. Nhận tiền của chị H Thương H để xin việc cho Lò Thị H (em họ H), chiếm đoạt 160.000.000.

Do có mối Q hệ quen biết nên khoảng tháng 5/2017, Lò Văn M đến nH của chị H Thương H, sinh năm 1985, trú tại: Bản S C, xã S C, huyện S C, tỉnh S La chơi và nói với H *“Chị có quen biết ai học sư phạm tiểu học ra, chưa có việc làm bảo em để em xin cho”*. Th điểm đó chị H có em gái họ là Lò Thị H, trú tại: Bản Mường Lạn, xã Mường Lạn, huyện S C đã tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm tiểu học tại Trường Cao đẳng S La nhưng chưa có việc làm nên chị H hỏi lại M *“Có xin được không”*, M trả lời *“Em có người quen làm ở Sở Nội vụ, xin được cho nhiều người rồi”*. Chị H tin tưởng M có thể xin được việc làm nên đồng ý nhờ M xin việc làm cho H. M đồng ý xin cho H làm giáo viên tiểu học với chi phí là 160.000.000đ. Chị H đã trao đổi lại nội dung trên với Lò Thị H nhưng do H chưa có tiền nên chị H đã sử dụng tiền của mình để đưa cho M làm 02 lần, mỗi lần 80.000.000đ và 01 bộ hồ sơ xin việc của Lò Thị H vào tháng 6/2017.

Tng số tiền Lò Văn M đã nhận của chị H Thương H là 160.000.000đ. Toàn bộ số tiền nêu trên M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ xin việc của H M đã xé vứt đi. Ngày 09/6/2019, chị H đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo

của M với Cơ Q điều tra.

3. *Nhận tiền của ông Lò Văn Th để xin việc cho Lò Thị N, Lò Văn Quỳnh và Vi Văn V (con gái, con trai và con rể ông Th), chiếm đoạt Tng số tiền 240.000.000đ.*

Khoảng tháng 8/2017, ông Lò Văn Th, sinh năm 1972, trú tại: Bản Púng Tòng, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La được Lò Thị H, trú tại: Bản Phổng, xã Nậm Lạnh, huyện S C giới Tệu H có quen một người tên là Lò Văn M có khả năng xin được việc làm. Do đang có nhu cầu xin việc cho con gái là Lò Thị N đã tốt nghiệp chuyên ngành văn thư Trường Cao đẳng S La nên ông Th đã xin H số điện thoại của M và gọi điện nhờ M xin việc cho N. Khi trao đổi, M nói với ông Th “*Em có người quen làm ở Sở Giáo dục, hiện nay đang có một suất bổ sung tại trường dân tộc nội trú huyện S C, để xin được thì hết chín mươi triệu*” và yêu cầu ông Th chuẩn bị một bộ hồ sơ để xin việc làm cho N.

Ngày 30/8/2017, ông Th đi cùng N ra Th phố S La và gặp M tại một quán nước giải khát đối D công Trường Cao đẳng sư phạm S La, ông Th đã đưa cho M 90.000.000đ và 01 bộ hồ sơ xin việc của N. Hai bên cùng nhau viết giấy vay nợ tiền và M hứa “*Khoảng một tuần sau sẽ có quyết định đi làm, nếu không xin được việc thì hai tuần sau sẽ trả lại tiền*”. Khoảng một tuần sau, ông Th gọi điện hỏi M về việc của N, M nói với ông Th “*Em đưa cho họ rồi anh yên tâm đi*” và nói thêm “*Hiện có một suất bổ sung bên tiểu học thay cô Lánh ở H C, Mường Và vì Lánh T không đỗ*”, để xin việc thì hết 160.000.000đ. Ông Th tiếp tục nhờ M xin việc cho con trai là Lò Văn Quỳnh đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng S La nhưng chưa có việc làm.

Ngày 07/9/2017, ông Th đưa cho Vi Văn T, trú tại: Bản Cang, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La 50.000.000đ và nhờ T đến Ngân Hng AGRIBANK Chi nhánh S C gửi tiền vào sổ tài khoản ngân Hng mà M đã gửi cho ông Th mang tên Lò Văn H (*M không nhớ số tài khoản*). Sau đó, M tiếp tục gọi điện cho ông Th nói “*Anh có con cháu hay quen biết ai giới Tệu giúp em để em xin cho làm bảo vệ tại trường nội trú S C*”. Khi đó, con rể ông Th là Vi Văn V cũng đang có nhu cầu xin việc nên ông Th lại tiếp tục nhờ M xin việc cho V. M nói để xin làm bảo vệ thì phải có 90.000.000đ, ông Th đồng ý.

Ngày 09/9/2017, ông Th trực tiếp đến Ngân Hàng An Bình Chi nhánh S C gửi cho M 135.000.000đ qua tài khoản của Lò Thị D (*M không nhớ rõ số tài khoản*); ngày 29/9/2017, ông Th tiếp tục đưa cho Lò Thị N 65.000.000đ để N gửi vào tài khoản mang tên Lò Văn H theo yêu cầu của M. Sau khi nhận được tiền, Lò Văn H và Lò Thị D đã rút tiền và đưa lại toàn bộ số tiền này cho M.

Như vậy, Lò Văn M đã nhận của ông Lò Văn Th 04 lần với Tng số tiền là 340.000.000đ. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, M không liên hệ xin việc cho N, Quỳnh và V mà chiếm đoạt số tiền này để chi tiêu, sử dụng cá nhân, còn hồ sơ M đã hủy bỏ. Sau một Th gian không thấy N, Quỳnh và V có quyết định tuyển dụng nên ông Th đã nhiều lần đòi lại số tiền đã đưa. Tháng 6/2018, M đã trả cho ông Th 100.000.000đ, còn chiếm đoạt của ông Th 240.000.000đ. Về nguồn gốc

số tiền trả cho ông Th, M khai 70.000.000đ trích từ số tiền chiếm đoạt của anh Tòng Văn T và anh Lò Văn Thích; 30.000.000đ trích từ số tiền chiếm đoạt của bà Lò Thị C.

4. Nhận tiền của ông Vì Văn P để xin việc cho Vì Thị Mai (con gái ông P), chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ.

Khoảng tháng 8/2017, Vì Thị Mai là con gái của ông Vì Văn P, sinh năm 1972, trú tại: Bản Cang, xã Nậm Lạnh, huyện S C, tỉnh S La đã tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm thể dục Trường Cao đẳng S La có nhu cầu xin việc làm nên đã xin số điện thoại của M từ ông Lò Văn Th và gọi điện cho M với mục đích nhờ M xin việc cho mình. M nói “*Có chỉ tiêu bổ sung giáo viên thể dục cấp hai trong huyện S C*” và “*Có người quen biết có thể xin được việc*”, đồng Th yêu cầu Mai chuẩn bị hồ sơ và 200.000.000đ để xin việc. Sau khi Mai nói chuyện với gia đình thì ông Tòng Văn Tr, sinh năm 1958, trú tại: Bản Huổi Hin, xã Púng Bính, huyện S C, tỉnh S La (bố chồng Mai) gọi điện cho M hỏi “*Có chắc xin được việc không? Nếu xin được việc thì giao tiền và giao hồ sơ ở đâu*”, M trả lời “*Em có người quen làm ở Sở Nội vụ đã xin được việc cho nhiều người rồi*” và hẹn ông Tr “*Mang tiền cùng hồ sơ đến Trường Cao đẳng S La sẽ đến đó*”.

Ngày 12/9/2017, ông Vì Văn P và Tòng Văn Tr cùng ra Th phố S La và gặp M tại phòng trọ M thuê ở khu vực gần Trường PTTH Chiềng Sinh (M không nhớ địa chỉ cụ thể) đưa cho M 100.000.000đ và hồ sơ xin việc của Mai, M hứa khoảng 10 ngày Mai sẽ có quyết định đi làm. Sau khi nhận tiền, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ của Mai M để lại phòng trọ và thất lạc. Đến Th gian hẹn không thấy Mai có quyết định đi làm nên ông P đã gọi điện cho M để đòi lại số tiền đã đưa nhưng M mới chỉ trả cho ông P được 50.000.000đ. Về nguồn gốc số tiền trả cho ông P, M khai trích 50.000.000đ từ số tiền chiếm đoạt của ông Lò Văn T đưa cho anh rể là Lò Văn T (hiện nay đã chết) để trả cho ông P. Do M chưa trả nốt số tiền còn lại nên ngày 29/5/2019, ông P đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo của M với Cơ Q điều tra.

5. Nhận tiền để xin việc cho anh Tòng Văn T và anh Lò Văn Th, chiếm đoạt Tng số tiền 263.000.000đ.

Lò Văn M có bạn tên là Lò Văn C, sinh năm 1984, trú tại: Bản Lung, xã Chiềng En, huyện S L, tỉnh S La, là giáo viên Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Chiềng En. Khoảng tháng 12/2017, M gọi điện cho C nói “*Chỗ mày có ai học thể dục về chưa xin được việc không, ở huyện S C đang có chỉ tiêu, nếu muốn xin thì bảo liên hệ qua số điện thoại của tao*”. Cũng trong tháng 12/2017, C đi dự Hội nghị sơ kết 06 tháng cuối năm và gặp anh Tòng Văn T, sinh năm 1987, trú tại: Bản H L, xã Chiềng En, huyện S L, tỉnh S La, biết anh T đã tốt nghiệp chuyên ngành giáo dục thể chất Trường Cao đẳng S La chưa xin được việc làm nên C đã nói với anh T là “*Bên huyện S C đang có một chỉ tiêu giáo viên thể dục ở Trường dân tộc nội trú, em có muốn xin không, anh có một người bạn sẽ xin cho*”. Do đang có nhu cầu xin việc nên anh T đã xin C số điện thoại của M để hỏi cụ thể sự việc. M nói với anh T “*Em có muốn chạy không? Có một*

chỉ tiêu thể dục ở Trường nội trú huyện S C đang Tếu, nếu chạy thì hết 130.000.000đ”. Vì chưa tin tưởng M nên anh T nói “Em không xin đâu vì không biết anh là ai”, M trả lời “Em yên tâm đi, anh xin được việc cho nhiều người rồi, nếu không tin thì hỏi C”. Khi anh T trao đổi điện thoại với M thì có anh Lò Văn Th, sinh năm 1990 ở cùng bản với anh T cũng ở đó nghe, bản thân anh Th đã tốt nghiệp chuyên ngành Hnh chính văn phòng Trường Cao đẳng S La cũng đang muốn xin việc nên anh Th đã xin anh T số điện thoại của M và gọi điện cho M. M nói với anh Th “Hiện tại Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện S C đang Tếu cán bộ Hnh chính văn thư và đang cần tuyển dụng cán bộ” và “Anh có thân quen với lãnh đạo Sở Nội vụ S La” nếu anh Th đồng ý thì chuẩn bị hồ sơ xin việc và 80.000.000đ. Sau đó, M đã nhiều lần gọi điện cho cả anh T và anh Th để cho hai người tin tưởng nhờ M xin việc.

Sau khi anh T và anh Th đồng ý nhờ M xin việc, vì biết C với M là bạn thân nên ngày 25/12/2017, anh T và anh Th cùng đến nH C và nói với C “Em muốn nhờ anh làm giấy tờ giúp để em đi giao tiền cho anh M xin việc cho em, em không biết nH cửa, địa chỉ của anh M ở chỗ nào”. Khi đó, M đã gọi điện hỏi C “T và Th đang ở nH mày à”, C hỏi M “Có chắc xin được việc không”, M trả lời “Tao chắc chắn” nên C đã đồng ý làm giấy tờ giúp để anh T và anh Th đưa tiền cho M xin việc. C nói với anh T và anh Th “Thằng này nó xin được việc cho nhiều người rồi, nH nó trong S C, có ô tô, quán phở”. Sau đó anh Tòng Văn T viết một giấy vay nợ tiền với nội dung anh T cho C vay 130.000.000đ để làm nH; anh Lò Văn Th cũng viết một giấy vay nợ tiền với nội dung cho C vay 80.000.000đ để làm nH rồi anh T và anh Th mỗi người tự cầm tiền và hồ sơ xin việc ra Th phố S La đưa cho M tại nH trọ của M. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của anh T và anh Th, M nói “Các em cứ về đi, sẽ có quyết định đi làm trước tết” và nhận thêm của anh T và anh Th mỗi người 500.000đ tiền làm giấy khám sức khỏe.

Khoảng hai tuần sau, anh T gọi điện cho M để hỏi về tình hình công việc thì M trả lời “Chưa có quyết định, đợi thêm tuần nữa”. Ngày 28/01/2018, M gọi điện cho anh T nói “Một trăm ba mươi triệu ít quá vì có người ở Chiềng Khương lên tranh, phải thêm 30.000.000đ nữa” còn anh Th “Phải thêm 20.000.000đ nữa”. Ngày 29/01/2018, anh T mang 30.000.000đ, anh Th mang 20.000.000đ đưa cho M tại một quán bia tại khu vực gần cầu treo huyện S L, tỉnh S La.

Sau đó M lại gọi điện cho anh Th nói “Suất xin việc trong S C hiện đang có người cạnh tranh nên Sở Nội vụ chưa quyết, Trường nội trú huyện S L cũng đang tuyển văn thư nên đưa thêm 2.000.000đ để đi mua quà đến nH Hiệu Tr, nếu xin được thì sẽ xin suất ở ngoài S L”. Ngày 12/02/2018, anh Th mang 2.000.000đ đến đưa cho M tại nH M ở bản Cang, xã D C, huyện S C, tỉnh S La.

Như vậy, Lò Văn M đã nhận của anh Tòng Văn T 03 lần với Tng số tiền 160.500.000đ; nhận của anh Lò Văn Th 04 lần với Tng số tiền 102.500.000đ. Toàn bộ số tiền đã nhận M chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn 02 bộ hồ sơ xin việc M để ở phòng trọ và bị thất lạc. Sau nhiều lần đòi lại tiền nhưng M khất lần

không trả, anh Tòng Văn T và anh Lò Văn Th đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M với Cơ Q điều tra.

6. Nhận tiền của ông Tòng Văn Q và bà Lường Thị L để xin việc cho Tòng Thị Ánh (con gái ông Q, bà L), chiếm đoạt Tng số tiền 135.000.000đ.

Khoảng đầu tháng 01/2018, M tìm hiểu và biết Tòng Thị Ánh là con gái bà Lường Thị L, sinh năm 1966, trú tại: Bản S C, xã S C, huyện S C, tỉnh S La đã tốt nghiệp Trường Đại học thể dục thể thao nhưng chưa có việc làm nên M gọi điện cho bà L giới Tệu “M có ông chú làm ở Sở Giáo dục và đã từng xin được việc cho nhiều người, nếu có nhu cầu thì M sẽ xin cho con gái bà vào Trường dân tộc nội trú với chi phí là 135.000.000đ”, Bà L đồng ý nhờ M xin việc cho Tòng Thị Ánh.

Ngày 06/01/2018, M đến nH bà Lường Thị L và ông Tòng Văn Q (chồng bà L) nhận hồ sơ để xin việc cho Ánh và 60.000.000đ. M có viết giấy biên nhận vay tiền của ông Q và bà L. Đến ngày 12/01/2018, M gọi điện cho bà L nói “Con gái ông bà đã có tên trong danh sách, sắp có quyết định rồi, ông bà sắp xếp số tiền còn lại để tôi đến lấy”. Ngày 13/01/2018, M đến nH ông Q, bà L nhận 75.000.000đ và hẹn đến ngày 20/3/2018, Ánh sẽ có việc làm.

Tng số tiền Lò Văn M đã nhận của bà Lường Thị L và ông Tòng Văn Q là 135.000.000đ. Sau khi nhận tiền, M không liên hệ xin việc cho Ánh mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn bộ hồ sơ xin việc của Ánh M đã vứt bỏ. Đến Th gian hẹn không thấy Ánh được đi làm, bà L đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng M khất lần không trả, ngày 06/01/2019, ông Tòng Văn Q đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M với Cơ Q điều tra.

7. Nhận tiền của bà Tòng Thị P để xin việc cho Lường Văn Th, chiếm đoạt Tng số tiền 255.000.000đ.

Bà Lường Thị L là bác ruột của anh Lường Văn Th sinh năm 1990, nơi cư trú: Bản Ban, xã S C, huyện S C, tỉnh S La. Sau khi đưa tiền cho M để xin việc cho con gái mình, nghĩ rằng M có khả năng xin được việc làm nên bà L đã giới Tệu và cho anh Th số điện thoại của M. Sau khi gọi điện trao đổi, M hẹn bà L và anh Th đến gặp M tại nH Lò Thị D. Khi gặp nhau M nói “Có chỉ tiêu bổ sung giáo viên, muốn xin thì hết 160.000.000đ” và bảo làm hồ sơ trước. Sau đó Th đã chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc và đưa cho M.

Ngày 19/01/2018, Th cùng mẹ là bà Tòng Thị P, sinh năm 1970 đến nH Lò Thị D đưa cho M 85.000.000đ. M nói với anh Th “Nếu không xin được việc thì ngày 26/02/2018 sẽ trả lại toàn bộ số tiền” rồi cùng nhau viết giấy vay nợ tiền.

Khoảng hai tuần sau, M gọi điện cho anh Th bảo anh Th chuẩn bị tiền để M đến lấy. Ngày 14/02/2018, M gặp anh Th và bà P tại nH anh Tòng Văn E (Anh rể của M), anh Th nói chưa có tiền mặt, sẽ chuyển vào tài khoản cho M sau, M đồng ý và hai bên làm giấy vay nợ tiền với số tiền 130.000.000đ. Ngày hôm sau (15/02/2018), M nhận được đủ số tiền trên qua tài khoản nên đã gọi điện thông báo cho anh Th biết, đồng Th nói với anh Th tiền xin việc là



170.000.000đ, còn 85.000.000đ thì M vay, hạn 02 tháng sau sẽ trả lại.

Ngày 22/02/2018, M tiếp tục gọi điện cho anh Th yêu cầu chuyển nốt 40.000.000đ để M xin việc cho anh Th. Sau đó, anh Th cùng bà P đã đi đến nH bố mẹ M tại bản Cang, xã D C, huyện S C, tỉnh S La để đưa cho M 40.000.000đ, M nói “*Mai kia sẽ có quyết định thôi*”.

Tng số tiền Lò Văn M đã nhận của anh Lương Văn Th và bà Tòng Thị P là 255.000.000đ. Đến ngày 14/4/2018, không thấy có quyết định đi làm, anh Th và bà P đã tìm gặp M để đòi lại tiền nhưng M không có tiền nên hai bên đã viết giấy vay nợ tiền với nội dung M vay của anh Th Tng số tiền 255.000.000đ. Toàn bộ số tiền nêu trên, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ xin việc của anh Th M xé vứt đi. Ngày 24/01/2019, anh Lương Văn Th đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo của M với Cơ Q điều tra.

*8. Nhận tiền của ông Lò Văn Chiêng để xin việc cho Lò Văn Hợi (con trai ông Chiêng), chiếm đoạt số tiền 90.000.000đ.*

Lò Văn M quen Lò Văn Hợi là con trai của ông Lò Văn Chiêng, sinh năm 1966, trú tại: Bản Phiêng Phủ, xã Nậm Ty, huyện S L, tỉnh S La. M biết Hợi đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng S La nhưng chưa có việc làm nên đã nói với Hợi là M có thể xin được việc làm cho Hợi. Hợi đã kể chuyện này cho ông Chiêng biết.

Ngày 28/02/2018, M đến nH ông Chiêng nói “*Cháu có người quen làm ở Sở Nội vụ đã từng xin được việc cho nhiều người rồi*”, ông Chiêng đồng ý nhờ M xin việc làm cho Hợi. M nói “*Để xin được việc thì hết 90.000.000đ nhưng trước mắt thì lấy 40.000.000đ cùng hồ sơ, 50.000.000đ còn lại sẽ nhận sau khi có quyết định đi làm cho Hợi*”. Trong ngày 28/02/2018, ông Chiêng và Hợi đã đưa cho M 40.000.000đ cùng một bộ hồ sơ xin việc. Mấy ngày sau, M gọi điện cho Hợi nói “*Phải đưa đủ tiền để có quyết định đi làm luôn*”. Ngày 01/3/2018, ông Chiêng cùng em trai ruột là ông Lò Văn T mang 50.000.000đ đến nH M để đưa cho M.

Tng số tiền Lò Văn M đã nhận của ông Lò Văn Chiêng là 90.000.000đ. Sau khi nhận tiền, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ xin việc của Hợi thì M vứt đi. Ngày 05/6/2019, ông Chiêng đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M với Cơ Q điều tra.

*9. Nhận tiền của ông Lò Văn T để xin việc cho Lò Văn Khoa (con trai ông T), chiếm đoạt số tiền 130.000.000đ.*

Lò Văn M quen Lò Văn Khoa là con trai của ông Lò Văn T, sinh năm 1960, trú tại: Bản H C, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La và biết Khoa đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng S La nhưng chưa có việc làm. Khoảng tháng 4/2018, M gọi điện cho Khoa hỏi “*Dạo này có việc làm chưa*”, Khoa trả lời “*Chưa có*” nên M nói với Khoa “*Hay để anh xin cho, anh có quen biết một vài người*”. Vài ngày sau, Khoa hẹn M đến nH ở bản H C, xã Mường Và, huyện S C để nói chuyện với gia đình. M được gia đình Khoa mời ăn cơm, trong bữa cơm M nói với bố mẹ Khoa “*Hiện nay đang có hai suất làm công chức xã ở D C và Mường Lạn*” và “*Cháu có người quen làm ở Sở Nội vụ, đã từng xin được việc cho nhiều*”.

người”. Tin tưởng vào lời giới Tệu của M, ông T đồng ý nhờ M xin việc cho Khoa, M yêu cầu gia đình ông T chuẩn bị hồ sơ và 130.000.000 đồng để làm chi phí xin việc.

Ngày 25/4/2018, ông T cùng con rể là Tòng Văn Sáng, sinh năm 1977, trú tại: Bản Sôm Pó, xã Mường Và, huyện S C đến nH chị gái M là Lò Thị D đưa cho M 50.000.000đ và hồ sơ xin việc của Khoa. Ngày 03/5/2018, M tiếp tục đến nH ông T để lấy 70.000.000đ. Tiếp đó, M gọi điện cho ông T nói “*Còn mười triệu ông thu xếp nốt để đưa cho cháu*”. Ngày 08/5/2018, ông T cùng vợ là bà Lò Thị Chủ mang 10.000.000đ đến nH Lò Thị D để đưa cho M và M nói với ông T trong tháng 7/2018, Khoa sẽ có quyết định đi làm.

Như vậy, Lò Văn M đã nhận của ông Lò Văn T 03 lần với Tng số tiền là 130.000.000đ. Sau khi nhận tiền, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ xin việc của Khoa thì M rút đi. Đến Th gian hẹn không thấy Khoa có quyết định đi làm, ông T đã gặp M để đòi lại số tiền nhưng M khất lần không trả. Ngày 01/6/2019, ông T làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo của M với Cơ Q điều tra.

*10. Nhận tiền của ông Lường Văn Th để xin việc cho Lường Thị K (con gái ông Th), chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ.*

Khoảng tháng 4/2018, M gặp Lường Thị Ng, sinh năm 1986, trú tại: Bản Pật, xã D C, huyện S C, tỉnh S La (Ng là giáo viên Trường Mầm non xã Mường Và), M nói với Ng là M có khả năng xin việc cho nhiều người, nếu ai có nhu cầu thì gọi điện cho M. Ng đến trường và kể lại sự việc trên cho các đồng nghiệp, trong đó có Lường Thị K, sinh năm 1988 đang là giáo viên hợp đồng tại Trường Mầm non Hoa Chăm Pa, xã Mường Và. Do đang có nhu cầu xin vào biên chế nên K đã xin Ng số điện thoại của M và trực tiếp gọi điện cho M nhờ xin vào biên chế. M nói với K “*Có một suất bổ sung ở trường mầm non, nếu xin được sẽ có quyết định trong hè và đi trực hè luôn*” và yêu cầu K chuẩn bị hồ sơ để xin việc. Tin lời M, K đã bàn bạc với bố đẻ của mình là ông Lường Văn Th, sinh năm 1965, trú tại: Bản Mường Và, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La và mượn tiền của ông Th để xin việc.

Ngày 22/5/2018, M cùng với Tòng Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Bản Cang, xã D C, huyện S C, tỉnh S La (là anh rể M, hiện nay đã chết) đến nH ông Lường Văn Th nhận 40.000.000đ cùng hồ sơ xin việc của K. Sau khi nhận tiền, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ xin việc của K thì M rút đi. Đến Th gian hẹn không thấy có quyết định tuyển dụng, Lường Thị K đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M với Cơ Q điều tra.

*11. Nhận tiền của bà Lò Thị C để xin việc cho Quàng Thị Trinh (cháu bà C), chiếm đoạt số tiền 103.000.000đ.*

Khoảng tháng 5/2018, M xin được số điện thoại của bà Lò Thị C, sinh năm 1959, trú tại: Bản Bán, xã Púng Bán, huyện S C, tỉnh S La. M đã gọi điện cho bà C nói “*Thím có biết người nào đi học tiểu học về muốn xin việc làm không, đang có một chỉ tiêu bổ sung tiểu học*”, bà C hỏi lại “*Có xin được không*”, M nói “*Thím không phải lo đâu, cháu quen biết nhiều cán bộ ở huyện, ở*

*tỉnh, xin được việc cho nhiều người rồi. Nếu tìm được người thì bảo họ chuẩn bị hồ sơ và 113.000.000đ để làm thủ tục*”. Tin M có thể xin được việc làm nên bà C đã trao đổi lại với gia đình Quảng Thị Trinh (*cháu ruột bà C*), sinh năm 1995, trú tại: Bản Nà Liên, xã Púng Bính, huyện S C, tỉnh S La đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng S La nhưng chưa có việc làm. Gia đình Trinh đồng ý và ông Quảng Văn H, sinh năm 1964 (*là bố của Quảng Thị Trinh*) đã đưa cho bà C 113.000.000đ cùng với hồ sơ xin việc của Trinh để bà C đưa cho M nhờ xin việc cho Trinh.

Ngày 25/5/2018, bà C cùng chồng là Lò Văn V, sinh năm 1961 đến nh M và đưa cho M 103.000.000đ, số tiền 10.000.000đ bà C giữ lại khi nào có quyết định đi làm thì đưa nốt. M hứa “*Đến ngày 20/6/2018 sẽ có quyết định đi làm cho Trinh, nếu không thì sẽ giao đất, bìu đồ và tài sản trên đất ở bản Nà Lốc, xã Sô Cốp cho ông V, bà Chính*”. Sau khi nhận tiền, M đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân còn hồ sơ xin việc của Quảng Thị Trinh, Cơ Q điều tra đã thu giữ trong quá trình khám xét nh của bố đẻ M là ông Lò Văn Than. Đến Th gian hẹn nhưng không thấy Trinh có quyết định đi làm, bà C đã nhiều lần gặp M để đòi lại tiền nhưng M không có trả. Bà C đã sử dụng 113.000.000đ của gia đình mình để trả lại cho gia đình Trinh vào tháng 7/2018 và làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M với Cơ Q điều tra.

*12. Hnh vi lừa bán đất cho ông Lò Văn Ó chiếm đoạt số tiền 20.000.000đ.*

Khoảng giữa năm 2017, do có quen biết nên Lò Văn M gọi điện cho ông Lò Văn Ó, sinh năm 1959, trú tại: Bản Pói Lanh, xã Mường Và, huyện S C, tỉnh S La đặt vấn đề muốn đứng ra xin việc làm cho con gái ông Ó là Tông Thị Hằng đã tốt nghiệp Trường Cao đẳng S La nhưng ông Ó nói không có chỉ tiêu và không nhờ M xin việc cho Hằng.

Đến khoảng tháng 11/2017, M gọi điện cho ông Ó nói dối là muốn bán mảnh đất tại bản Nà Lốc, xã S C, huyện S C, tỉnh S La cho ông Ó vì ông Ó có một mảnh đất giáp với mảnh đất này nhưng trên thực tế đây là đất của chị gái M là Lò Thị D. Sau đó M nói đang cần tiền để đi học lái xe ô tô tại Trường Cơ khí S La, muốn vay của ông Ó 20.000.000đ. Ông Ó đồng ý và đã chuyển khoản cho M 20.000.000đ qua số tài khoản 1391000498001 của M mở tại Ngân Hng ABBANK. Sau khi nhận được tiền, M đã sử dụng để chi tiêu cá nhân. Khi ông Ó gọi điện để trao đổi về việc mua bán đất, do đây là đất là của Lò Thị D, M đã dùng thủ đoạn đưa ra giá cao hơn nên ông Ó không mua đất nữa mà đòi lại tiền nhưng M khất lần không trả. Ngày 02/10/2019, ông Lò Văn Ó đã làm đơn tố cáo Hnh vi lừa đảo của M với Cơ Q điều tra.

Quá trình điều tra, Lò Văn M khai nhận: Do làm ăn thua lỗ và nợ nần của nhiều người không có khả năng trả nợ nên mặc dù không có thẩm quyền và không quen biết ai để nhờ xin việc cho những người có nhu cầu nhưng với mục đích chiếm đoạt tài sản, M đã đưa ra thông tin gian dối để nhận của các bị hại Tng số tiền 1.896.000.000đ. Trước khi bị tố giác, M đã trả cho ông Lò Văn Th 100.000.000đ, trả cho ông Vi Văn P 50.000.000đ, còn chiếm đoạt của các bị hại Tng số tiền 1.746.000.000đ.

*Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, các bị hại yêu cầu Lò Văn M phải bồi thường toàn bộ số tiền còn chiếm đoạt, cụ thể như sau: Ông Vì Văn Ch 260.000.000đ; chị H Thương H 160.000.000đ; ông Lò Văn Th 240.000.000đ; ông Vì Văn P 50.000.000đ; anh Tòng Văn T 160.500.000đ; anh Lò Văn Th 102.500.000đ; bà Lường Thị L và ông Tòng Văn Q 135.000.000đ; bà Tòng Thị P 255.000.000đ; ông Lò Văn Chiêng 90.000.000đ; ông Lò Văn T 130.000.000đ; ông Lường Văn Th 40.000.000đ; bà Lường Thị C và ông Lò Văn V 103.000.000đ; ông Lò Văn Ó 20.000.000đ. Tng cộng 1.746.000.000đ.

Do có Hnh vi nêu trên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S La đã truy tố Lò Văn M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

***\* Tranh tụng tại phiên tòa:***

Bị cáo Lò Văn M khai nhận Hnh vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và không khai báo gì thêm.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa gồm: Anh Vì Văn D (là người đại D theo ủy quyền của bị hại Vì Văn Ch), ông Lò Văn Th, anh Tòng Văn T, anh Lò Văn Th, bà Tòng Thị P, ông Lò Văn Chiêng, ông Lò Văn T, ông Lường Văn Th, bà Lò Thị C và ông Lò Văn V, ông Lò Văn Ó có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Lò Văn M phải bồi thường toàn bộ số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q đến vụ án anh Lường Văn Th xác định mặc dù anh là người đứng tên viết các giấy vay tiền với Lò Văn M nhưng toàn bộ số tiền 255.000.000đ đưa cho M là tiền của bà Tòng Thị P, không phải là tiền của anh.

***Lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa:***

Bà Vì Thị L xác nhận Lò Văn M trả lại cho bà số tiền 150.000.000đ; anh Vì Văn S xác nhận Lò Văn M đã trả lại cho vợ chồng anh số tiền 100.000.000đ. Bà L và anh S đều không có yêu cầu, đề nghị gì về việc xử lý đối với bị cáo Lò Văn M.

Anh Lò Văn H xác định anh không biết nguồn gốc số của số tiền mà M nhờ tài khoản của anh để nhận, anh cũng không được hưởng lợi từ số tiền mà M đã chiếm đoạt của các bị hại.

Chị Lò Thị D xác nhận việc cho M mượn tài khoản ngân Hng để nhận tiền của ông Lò Văn Th và chị còn ký tên là người làm chứng trong giấy vay nợ tiền giữa Lò Văn M với bà Tòng Thị P và anh Lường Văn Th nhưng chị không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hnh vi phạm tội; chị cũng không biết nội dung trao đổi giữa M với bà P và anh Th; không biết nguồn gốc số tiền M nhờ tài khoản của chị để nhận và chị không được hưởng lợi từ số tiền mà M đã chiếm đoạt của các bị hại.

Anh Lò Văn C xác nhận việc đã giới Tụ Lò Văn M cho anh Tòng Văn T

và anh Lò Văn Th đề anh T và anh Th nhờ xin việc; chị Đinh Thị Ng xác nhận việc giới Tệu Lò Văn M cho chị Lương Thị K để chị K nhờ M xin việc nhưng anh C và chị Ng không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hình vi phạm tội. Việc anh C và chị Ng giới Tệu M cho anh T, anh Th và chị K xuất phát từ mối Q hệ bạn bè và tin tưởng M có khả năng xin được việc làm. Anh C và chị Ng không biết, không tham gia và không được hưởng lợi từ số tiền M đã chiếm đoạt của các bị hại.

Ông Đinh Thế S xác định ông không biết Lò Văn M và ông không biết, không liên Q đến Hình vi phạm tội của M.

**\* Tranh luận tại phiên tòa:**

Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S La trình bày luận tội giữ nguyên Q điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**1. Về hình phạt:**

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn M từ 14 (mười bốn) đến 16 (mười sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**2. Về trách nhiệm dân sự :** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lò Văn M phải bồi thường cho các bị hại Tng số tiền còn chiếm đoạt là 1.746.000.000đ, trong đó: Bồi thường cho ông Vi Văn Ch 260.000.000đ; chị H Thương H 160.000.000đ; ông Lò Văn Th 240.000.000đ; ông Vi Văn P 50.000.000đ; anh Tòng Văn T 160.500.000đ; anh Lò Văn Th 102.500.000đ; bà Lương Thị L và ông Tòng Văn Q 135.000.000đ; bà Tòng Thị P 255.000.000đ; ông Lò Văn Chiêng 90.000.000đ; ông Lò Văn T 130.000.000đ; ông Lương Văn Th 40.000.000đ; bà Lương Thị C 103.000.000đ và ông Lò Văn Ó 20.000.000đ.

**3. Về án phí:** Do bị cáo Lò Văn M là người dân tộc Tều số sống ở xã Dỏm Cang là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo đề nghị hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn M trình bày lời bào chữa nhất trí với Q điểm truy tố, luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên, đồng Th xem xét việc bị cáo đã đến Cơ Q công an tự thú Hnh vi phạm tội của mình để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mở lượng khoan hồng cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Bị cáo Lò Văn M nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa gồm: Anh Vi Văn D (là người đại D theo ủy quyền của bị hại Vi Văn Ch), ông Lò Văn Th, anh Tòng Văn T, anh Lò Văn Th, bà Tòng Thị P, ông Tòng Văn Chiêng, ông Lò Văn T, ông Lường Văn Th, bà Lò Thị C và ông Lò Văn V, ông Lò Văn Ó nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q đến vụ án anh Lường Văn Th nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp không nhất trí với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về tình tiết bị cáo tự thú bởi lẽ bị cáo khai ra Hnh vi của mình sau khi đã bị tố giác và bị Cơ Q Cảnh sát điều tra Công an huyện S C triệu tập lên để làm việc.

Người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên Q điểm bào chữa và không tranh luận thêm về vấn đề gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ Q điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng không có ngư ời nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ Q tiến Hnh tố tụng và người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ Q tiến Hnh tố tụng và người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xác định bị hại

Kết quả điều tra xác định có 18 người đã trực tiếp giao tiền hoặc chuyển khoản cho Lò Văn M sau đó bị bị cáo chiếm đoạt gồm: (1) Ông Lò Văn Ch 04 lần 260.000.000đ; (2) chị H Thương H 02 lần 160.000.000đ; (3) ông Lò Văn Th 04 lần 340.000.000đ; (4) ông Vi Văn P 01 lần 100.000.000đ; (5) anh Tòng Văn T 03 lần 160.500.000đ; (6) anh Lò Văn Th 04 lần 102.500.000đ; (7) bà Lường Thị L và (8) ông Tòng Văn Q 02 lần 135.000.000đ (Bà L và ông Q cùng giao tiền cho M, ông Q là người đứng tên trong các giấy vay tiền và là người làm đơn tố giác M); (9) bà Tòng Thị P 03 lần 255.000.000đ; (10) ông Lò Văn Chiêng 02

lần 90.000.000đ; (11) ông Lò Văn T 03 lần 130.000.000đ; (12) ông Lương Văn Th 01 lần 40.000.000đ; (13) bà Lò Thị C và (14) ông Lò Văn V 01 lần 103.000.000đ (Bà C và ông V cùng giao tiền cho M, ông V là người đứng tên trong giấy vay tiền; sau khi biết bị M lừa thì bà C và ông V dùng tiền của gia đình để trả cho gia đình Quảng Thị Trinh); (15) ông Lò Văn Ó 01 lần 20.000.000đ; (16) bà Vì Thị L 01 lần 150.000.000đ; (17) anh Vì Văn S và (18) chị Lò Thị H 01 lần 100.000.000đ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh S La đã xác định và triệu tập 18 người có tên trên đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm với tư cách là người bị hại.

Tuy nhiên, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định vào khoảng tháng 3/2018, Lò Văn M đã trả lại cho bà Vì Thị L số tiền 150.000.000đ; khoảng tháng 4 hoặc tháng 5/2018, M đã trả lại cho anh Vì Văn S và chị Lò Thị H số tiền 100.000.000đ. Xét Th điểm M trả lại tiền cho bà L, anh S và chị H trước khi Hnh vi của bị cáo bị tố giác; tại phiên tòa, bà L và anh S không có yêu cầu, đề nghị về việc xử lý đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử xác định bà Vì Thị L, anh Vì Văn S và chị Lò Thị H không phải là bị hại mà chỉ là người làm chứng về những tình tiết liên Q đến Hnh vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa có 5/15 bị hại vắng mặt gồm: Ông Vì Văn Ch, chị H Thương H, ông Vì Văn P, bà Lương Thị L và ông Tòng Văn Q, trong đó ông Vì Văn Ch có người đại D theo ủy quyền tham gia tố tụng; có 7/14 người làm chứng vắng mặt gồm: Chị Tòng Thị Th, chị Lêm Thị Vân, anh Vì Văn T, chị Lương Thị K, ông Quảng Văn H, ông Tòng Văn Tr và chị Lò Thị H. Xét thấy, người làm chứng chị Lò Thị H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng có chồng là anh Vì Văn S tham gia phiên tòa; các bị hại và những người làm chứng khác vắng mặt đều đã có đầy đủ lời khai tại Cơ Q điều tra và những lời khai này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của các bị hại và những người làm chứng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về Hnh vi phạm tội của bị cáo:

Trong Th gian từ tháng 5/2016 đến tháng 5/2018, với mục đích chiếm đoạt tài sản, Lò Văn M đã đưa ra những thông tin gian dối về bản thân và các mối Q hệ xã hội như: M có mối Q hệ quen biết rộng hoặc có người quen làm ở Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh S La có khả năng xin việc cho nhiều người để tạo lòng tin, từ đó chiếm đoạt của 14 người có nhu cầu xin việc hoặc có nhu cầu xin việc cho con, em mình vào làm tại các cơ Q NH nước Tng số tiền 1.876.000.000đ. Ngoài ra, M còn có Hnh vi lừa bán đất của chị gái là Lò Thị D cho ông Lò Văn Ó để chiếm đoạt 20.000.000đ tiền đặt cọc. Tng số tiền Lò Văn M đã chiếm đoạt của 15 bị hại là 1.896.000.000đ.

Trước khi bị khởi tố, Lò Văn M đã trả lại cho bị hại Lò Văn Th

100.000.000đ, trả lại cho bị hại Vi Văn P 50.000.000đ nên xác định Tng số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 1.746.000.000đ (= 1.896.000.000đ - 100.000.000đ - 50.000.000đ).

*Hnh vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:*

- Đơn tố cáo của các bị hại về việc bị cáo đã đưa ra các thông tin gian dối và hứa hẹn sẽ xin được việc làm vào các cơ Q NH nước cũng như thông tin gian dối về quyền sử dụng đất để nhận tiền của các bị hại nhưng sau đó không thực hiện đúng cam kết và các bị hại đã nhiều lần đòi tiền nhưng bị cáo không hoàn trả số tiền đã nhận.

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ Q điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa về việc trao đổi, hứa hẹn xin việc làm và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng như việc giao nhận tiền giữa bị cáo với các bị hại.

- Tại Kết luận giám định số 1713 ngày 09/12/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S La kết luận:Chữ ký mang tên Lò Văn M, Vi Văn Ch, Lường Văn Th, Lò Văn Chiêng, Lò Văn Th, Lường Văn Th, Lò Văn Th, Tòng Văn Q, Lò Văn T và Vi Văn P trên các mẫu cần giám định (là các biên bản vay tiền, giấy vay tiền hoặc giấy hẹn trả tiền giữa Lò Văn M với ông Vi Văn Ch, anh Lường Văn Th, ông Lò Văn Chiêng, ông Lường Văn Th, ông Lò Văn Th, ông Tòng Văn Q, ông Vi Văn P và 01 quyển sổ nhật ký của ông Lò Văn T) với mẫu so sánh do cùng một người viết ra, ký ra.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Hnh vi của bị cáo Lò Văn M đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Lò Văn M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng các thông tin gian dối về việc xin việc làm tại các cơ Q NH nước và thông tin gian dối về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu xin việc và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để thỏa mãn các nhu cầu của bản thân mà không phải bỏ công sức lao động chính đáng nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện Hnh vi lừa đảo, chiếm đoạt của 15 bị hại Tng số tiền 1.746.000.000đ, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện Hnh vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm



tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với nước được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trước khi bị khởi tố, bị cáo đã trả lại cho 02 bị hại là ông Lò Văn Th và ông Vi Văn P với Tng số tiền 150.000.000đ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo đã đến Cơ Q công an tự thú: Xét bị cáo đến Cơ Q công an làm việc và khai báo về Hnh vi phạm tội của mình là theo triệu tập của Cơ Q công an sau khi đã có tố giác của bị hại về Hnh vi của bị cáo nên không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[7] Về tính chất, mức độ, Hnh vi phạm tội của bị cáo:

Hnh vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn tạo dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cán bộ, cơ Q NH nước và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ Hnh vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự nhưng xét thấy bị cáo không có tài sản có giá trị lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt nên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Tính đến Th điểm mở phiên tòa sơ thẩm, bị cáo còn chiếm đoạt của 15 bị hại Tng số tiền 1.746.000.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt. Xét đề nghị của các bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại Tng số tiền còn chiếm đoạt là 1.746.000.000đ, cụ thể như sau: Bồi thường cho ông Vi Văn Ch 260.000.000đ; chị H Thương H 160.000.000đ; ông Lò Văn Th 240.000.000đ; ông Vi Văn P 50.000.000đ; anh

Tòng Văn T 160.500.000đ; anh Lò Văn Th 102.500.000đ; bà Lường Thị L và ông Tòng Văn Q 135.000.000đ; bà Tòng Thị P 255.000.000; ông Lò Văn Chiêng 90.000.000đ; ông Lò Văn T 130.000.000đ; ông Lường Văn Th 40.000.000đ; bà Lường Thị C và ông Lò Văn V 103.000.000đ; ông Lò Văn Ó 20.000.000đ.

Mặc dù giữa bị cáo và các bị hại không có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/02/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu T Hành án thì bị cáo (bên phải T Hành án) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[10] Đối với các đối tượng có liên Q đến vụ án:

Đối với chị Tòng Thị Th là người sống cùng với M tại Th phố S La từ tháng 7/2016 đến tháng 7/2017: Kết quả điều tra xác định mặc dù sống cùng với M nhưng chị Th không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hnh vi phạm tội; chị Th cũng không biết, không tham gia và không được hưởng lợi từ số tiền M đã chiếm đoạt của các bị hại nên Cơ Q điều tra không đề cập xử lý đối với chị Th là có căn cứ.

Đối với chị Lềm Thị Vân là người sống cùng với M tại Th phố S La từ tháng 12/2017 đến tháng 10/2018: Kết quả điều tra xác định mặc dù sống cùng với M nhưng chị Vân không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hnh vi phạm tội. Mặc dù chị Vân có ký tên là người làm chứng trong giấy vay nợ tiền giữa Lò Văn M và Lường Văn Th nhưng chị Vân không biết nội dung trao đổi giữa M và Th; không biết việc M chiếm đoạt tiền của Th và các bị hại khác; chị Vân cũng không được hưởng lợi từ số tiền M đã chiếm đoạt của các bị hại nên Cơ Q điều tra không đề cập xử lý đối với chị Vân là có căn cứ.

Đối với chị Lò Thị D: Kết quả điều tra xác định mặc dù chị D có cho M mượn tài khoản ngân Hng để nhận tiền của ông Lò Văn Th và chị D còn ký tên là người làm chứng trong giấy vay nợ tiền giữa Lò Văn M với bà Tòng Thị P và anh Lường Văn Th nhưng chị D không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hnh vi phạm tội; chị D cũng không biết nội dung trao đổi giữa M với bà P và anh Th; không biết nguồn gốc số tiền M nhờ chuyển và tài khoản của mình và không được hưởng lợi từ số tiền M đã chiếm đoạt của các bị hại nên Cơ Q điều tra không đề cập xử lý đối với chị D là có căn cứ.

Đối với anh Lò Văn H là người cho Lò Văn M mượn tài khoản ngân Hàng để nhận tiền của ông Lò Văn Th: Kết quả điều tra xác định anh H không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hnh vi phạm tội; anh H cũng không biết nguồn gốc số tiền M nhờ chuyển và tài khoản của mình và không được hưởng lợi từ số tiền M đã chiếm đoạt của các bị hại nên Cơ Q điều tra không đề cập xử lý đối với anh H là có căn cứ.

Đối với anh Lò Văn C là người đã giới Tệu Lò Văn M để Tòng Văn T và Lò Văn Th nhờ xin việc; chị Đinh Thị Ng là người đã giới Tệu Lò Văn M để chị

Lường Thị K nhờ xin việc: Kết quả điều tra xác định anh C và chị Ng không được M trao đổi, bàn bạc về việc thực hiện Hình vi phạm tội. Việc anh C và chị Ng giới Tệu M cho anh T, anh Th và chị K xuất phát từ mối Q hệ bạn bè và tin tưởng M có khả năng xin được việc làm. Anh C và chị Ng không biết, không tham gia và không được hưởng lợi từ số tiền M đã chiếm đoạt của các bị hại nên Cơ Q điều tra không đề cập xử lý đối với anh C và chị Ng là có căn cứ.

Đối với ông Đinh Thế S: Kết quả điều tra xác định khi thực hiện Hình vi phạm tội, Lò Văn M giới Tệu với một số bị hại là quen biết với ông Đinh Thế S làm việc ở Sở Nội vụ tỉnh S La, từ đó các bị hại tin tưởng và giao tiền nhờ M xin việc. Tuy nhiên, ông S không biết và không tham gia vào Hình vi phạm tội của M nên ông S không liên Q đến vụ án.

[11] Về vật chứng:

Đối với 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Quàng Thị Trinh thu giữ trong quá trình khám xét nH ông Lò Văn Than và bà Lò Thị Chắp (bố mẹ đẻ Lò Văn M): Xét đây là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng nhưng là một Th phần của hồ sơ vụ án nên tiếp tục quản lý, lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Do bị cáo Lò Văn M là người dân tộc Tẻu số sống ở xã Dỏm Cang là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo đề nghị hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về hình phạt:**

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn M 15 (Mười lăm) năm tù, Th hạn tù tính từ ngày 28/5/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**2. Về trách nhiệm dân sự :** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự ; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lò Văn M phải bồi thường cho 15 bị hại Tổng số tiền còn chiếm đoạt là 1.746.000.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

- Bồi thường cho ông Vi Văn Ch 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng);

- Bồi thường cho chị H Thương H 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Lò Văn Th 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Vì Văn P 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);
- Bồi thường cho anh Tòng Văn T 160.500.000đ (một trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho anh Lò Văn Th 102.500.000đ (một trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho bà Lường Thị L và ông Tòng Văn Q 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho bà Tòng Thị P 255.000.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho ông Lò Văn Chiêng 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Lò Văn T 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Lường Văn Th 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);
- Bồi thường cho bà Lường Thị C và ông Lò Văn V 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Lò Văn Ó 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ Q T Hnh án có quyền chủ động ra quyết định T Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T Hnh án của người được T Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T Hnh án) cho đến khi T Hnh án xong, bên phải T Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**3. Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cho bị cáo Lò Văn M.

#### **4. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q đến vụ án được quyền kháng cáo trong Th hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2020).

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong Th hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được T Hnh theo quy định tại Điều 2*

*Luật T Hình án dân sự thì người được T Hình án dân sự, người phải T Hình án dân sự có quyền tH thuận T Hình án, quyền yêu cầu T Hình án, tự nguyện T Hình án hoặc bị cưỡng chế T Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T Hình án dân sự; Th hiệu T Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T Hình án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại H Nội;
- VKSND cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh S La;
- Cục THADS tỉnh S La;
- Sở Tư pháp tỉnh S La;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh S La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh S La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Thi Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Hải**